

GENERAL AGREEMENT FOR BANKING TRANSACTIONS
THỎA THUẬN CHUNG VỀ GIAO DỊCH NGÂN HÀNG

This General Agreement for Banking Transactions is made on
Thoả thuận Chung về Giao dịch Ngân hàng này được lập vào ngày

between:
giữa:

LENDER: HUA NAN COMMERCIAL BANK, LTD. –
HOCHIMINH CITY BRANCH
(hereafter referred to as the “**Bank**”)

BÊN CHO VAY: **NGÂN HÀNG HUA NAN COMMERCIAL BANK, LTD.-**
CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
(sau đây gọi là “**Ngân hàng**”)

Address: 10 Fl., Royal Tower, 235 Nguyen Van Cu St., Dist. 1, Ho Chi Minh City.
Địa chỉ: Lầu 10, Tháp Royal, số 235 Nguyễn Văn Cừ, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh

Telephone: 848-38371888 Fax: 848-38371999
Điện thoại: 848-38371888 Fax: 848-38371999

Banking License No. 07/GP-NHNN dated 13 July 2006 issued by the State Bank of Vietnam
Giấy phép hoạt động số 07/GP-NHNN ngày 13 tháng 7 năm 2006 do Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam cấp

Business Registration Certificate No: 107080 dated September 05, 2006 issued by Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City and the 4th Amendment to Business Registration Certificate No. 0304567947 dated November 29, 2014 issued by Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh Số: 107080 ngày 05 tháng 09 năm 2006 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư TP. Hồ Chí Minh cấp và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Thay đổi Lần thứ 4 số 0304567947 ngày 29 tháng 11 năm 2014 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Represented by: Mr. HUANG, JUI-YEN
Đại diện bởi: Ông HUANG, JUI-YEN

Position: General Manager
Chức vụ: Tổng giám đốc

Passport No. : 309637422 dated 11 August 2014 issued by Ministry Of Foreign Affairs- Republic Of China
Số Hộ chiếu: 309637422 ngày 11 tháng 08 năm 2014 do Bộ Ngoại Giao Trung Hoa Dân Quốc – Đài Loan cấp

BORROWER:
(hereafter referred to as the “**Borrower**”)

BÊN VAY:
(sau đây gọi là “**Bên vay**”)

Address:
Địa chỉ:

Telephone: Fax:
Điện thoại: Fax:

Investment License No. _____ dated _____ issued by _____ and Amendment to
Investment Certificate No. _____ dated _____ issued by _____

*Giấy phép Đầu tư Số: _____ ngày ____ tháng ____ năm ____ do _____ cấp; và Giấy chứng nhận
điều chỉnh giấy phép đầu tư số _____ ngày ____ tháng ____ năm ____ do _____ cấp.*

Business Registration Certificate No _____ dated _____ issued by Department of Planning and Investment of
_____ and the Amendment to Business Registration Certificate No. _____ dated _____ issued by
Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City.

*Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh Số: _____ ngày ____ tháng ____ năm ____ do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư
_____ cấp và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Thay đổi số _____ ngày ____ tháng ____ năm ____ do
Sở Kế Hoạch và Đầu Tư _____ cấp.*

Represented by: Mr.
Đại diện bởi: Ông

Position: General Director
Chức vụ: Tổng Giám đốc

Passport No. : _____ dated _____ issued by Ministry Of Foreign Affairs- Republic Of China
Số Hộ chiếu: _____ ngày _____ do Bộ Ngoại Giao Trung Hoa Dân Quốc – Đài Loan cấp

Authorized representative: Mr. _____ – Assistant Vice President of _____ CORPORATION
Đại diện được ủy quyền: Ông _____ – Trợ lý Phó Tổng Giám Đốc – CÔNG TY TNHH _____

Passport No. _____ dated _____ issued by Ministry of Foreign Affairs – R.O.C
Số Hộ chiếu: _____ ngày _____ do Bộ Ngoại Giao Trung Hoa Dân Quốc – Đài Loan cấp

Based on the Meeting Minutes of the Board of Management dated _____
Căn cứ vào Biên bản Hội đồng Thành viên ngày _____

Article 1 Definition and Interpretation

Điều 1 Định nghĩa và Giải thích

In this Agreement, the following terms have the following meanings unless the context requires otherwise:

Trong Hợp đồng này, các thuật ngữ sau có nghĩa như dưới đây trừ khi ngữ cảnh có quy định khác:

- 1.1 “**Advance**” means an advance made available by the Bank to the Borrower in such currency, of such amount and for such period as may be agreed by the Bank;
“**Khoản vay**” có nghĩa là một khoản vay được Ngân hàng giải ngân cho Bên vay bằng loại tiền, số tiền và kỳ hạn như Ngân hàng đồng ý.
- 1.2 “**Agreement**” means this General Agreement for Banking Transactions including all appendices and schedules hereto; as amended, supplemented, innovated and extended from time to time;
“**Hợp đồng này**” có nghĩa là Thỏa thuận Chung về Giao dịch Ngân hàng này bao gồm tất cả các phụ lục đi kèm, và các sửa đổi, bổ sung, thay thế, gia hạn theo từng thời điểm.
- 1.3 “**Approval Date**” means the date of the Facility Letter;
“**Ngày Chấp thuận**” có nghĩa là ngày ký kết Hợp đồng Tín dụng.
- 1.4 “**Authorized Signatory**” means any person authorized to sign the Facility Documents or related agreements and documents as notified by the Obligor to the Bank (in such form and manner as the Bank may require) from time to time;
“**Người được Ủy quyền Ký**” có nghĩa là bất kỳ người nào có thẩm quyền ký các Văn kiện Tín dụng và các tài liệu và thỏa thuận liên quan được Bên có Nghĩa vụ thông báo cho Ngân hàng (theo mẫu và cách thức như Ngân hàng có quyền yêu cầu) tùy từng thời điểm.
- 1.5 “**Availability Period**” means a period during which Advances are available for drawing under the Facilities as specified in the Facility Letter;
“**Thời hạn Giải Ngân**” có nghĩa là một thời hạn mà các Khoản vay được phép rút vốn theo các Khoản Tín dụng như được xác định trong Hợp đồng Tín dụng.
- 1.6 “**Bank Guarantee**” means a guarantee issued by the Bank to a beneficiary at the request of the Borrower in such format as the Bank may deem appropriate including but not limited to Bid Bond, Performance Bond and other bank guarantees under which the Bank guarantees the Borrower’s obligations to other parties;
“**Bảo lãnh Ngân hàng**” có nghĩa là bảo lãnh do Ngân hàng phát hành cho người thụ hưởng theo yêu cầu của Bên vay theo mẫu như Ngân hàng xét thấy thích hợp, bao gồm nhưng không giới hạn ở Bảo lãnh Dự thầu, Bảo lãnh Thực hiện Hợp đồng và các bảo lãnh ngân hàng khác, theo đó Ngân hàng bảo lãnh cho các nghĩa vụ của Bên vay đối với các bên khác.
- 1.7 “**Base Rate**” means such base interest rate as the Bank may specify or agree to in relation to any of the Facilities, which may include, without limitation, the Cost of Funds and/or the LIBOR;
“**Mức Lãi suất Cơ sở**” có nghĩa là mức lãi suất cơ sở mà Ngân hàng có quyền quy định hoặc đồng ý liên quan đến bất kỳ Khoản Tín dụng nào, có thể bao gồm nhưng không giới hạn ở Chi phí Huy động Vốn và/hoặc Lãi suất LIBOR.
- 1.8 “**Business Day**” shall be construed as a day (other than a Saturday/Sunday or holidays assigned by the Vietnam Government) on which banks are generally open for business in New York, Taipei, and Hochiminh City;
“**Ngày Làm việc**” được hiểu là ngày (trừ Thứ bảy Chủ nhật hoặc ngày nghỉ theo quy định của Nhà nước Việt Nam) mà các ngân hàng thường mở cửa giao dịch tại New York, Đài Bắc và Thành phố Hồ Chí Minh.
- 1.9 “**Default**” means an Event of Default or any event which may become (with the passage of time, the giving of notice, or any combination thereof) an Event of Default;
“**Vi phạm**” có nghĩa là một Sự kiện Vi phạm hoặc bất kỳ sự kiện nào có thể (theo sự trôi qua về thời gian, bằng thông báo, hoặc theo sự kết hợp của những điều này) trở thành một Sự kiện Vi phạm.
- 1.10 “**Event of Default**” means each event mentioned under Article 9 of this Agreement;
“**Sự kiện Vi phạm**” có nghĩa là mỗi sự kiện được đề cập tại Điều 9 của Hợp đồng này.
- 1.11 “**Facility**” or “**Facilities**” means credit facilities granted to the Borrower by the Bank under the Facility Documents;
“**Khoản Tín dụng**” hoặc “**các Khoản Tín dụng**” nghĩa là các khoản tín dụng mà Ngân hàng cấp cho Bên vay theo Văn kiện Tín dụng.
- 1.12 “**Facility Letter**” means any letter under which the Bank offers to make any of the Facilities available to the Borrower;
“**Hợp đồng Tín dụng**” có nghĩa là bất kỳ văn bản nào theo đó Ngân hàng đề nghị cấp các Khoản Tín dụng cho Bên vay.
- 1.13 “**Facility Documents**” means any or all of the Facility Letter, this Agreement, the Security Documents, the Trade Finance General Agreement and other documents entered into between the Bank and any Obligor in connection with the Facilities;

“Văn kiện Tín dụng” có nghĩa là bất kỳ hoặc toàn bộ Hợp đồng Tín dụng, Hợp đồng này, Văn kiện Bảo đảm, Thỏa thuận Chung về Tài chính Thương mại và các tài liệu khác được ký kết giữa Ngân hàng và Bên có Nghĩa vụ liên quan đến các Khoản Tín dụng.

- 1.14 **“Foreign Exchange Transactions”** means spot, forward, swap and other foreign exchange transactions made between the Bank and the Borrower;
“Giao dịch Ngoại hối” có nghĩa là các giao dịch giao ngay, kỳ hạn, hoán đổi và các giao dịch ngoại hối khác được ký giữa Ngân hàng và Bên vay.
- 1.15 **“Funding Cost”** means, in relation to any sum advanced or made available by the Bank or otherwise overdue under the Facilities, the cost to the Bank, expressed as a rate per annum, of funding such sum (including, without limitation, the cost to the Bank attributable to reserves, liquidity, deposit or other requirements);
“Chi phí Huy động Vốn” có nghĩa là chi phí mà Ngân hàng phải trả cho việc huy động bất kỳ khoản tiền nào liên quan đến số tiền Ngân hàng đã cho vay hoặc chuẩn bị sẵn cho vay hoặc bị quá hạn theo các Khoản Tín dụng, dưới hình thức lãi suất tính theo năm (bao gồm nhưng không giới hạn đến chi phí dự phòng, thanh khoản, đặt cọc hoặc các chi phí khác).
- 1.16 **“Margin”** means, the interest rate margin quoted by the Bank to the Borrower from time to time in connection with the Facilities;
“Mức Lãi suất biên” có nghĩa là chênh lệch mức lãi suất do Ngân hàng xác định cho Bên vay tùy từng thời điểm liên quan đến các Khoản Tín dụng.
- 1.17 **“Maturity Date”** means the final repayment date of each Advance;
“Ngày Đáo hạn” có nghĩa là ngày thanh toán cuối cùng của mỗi Khoản vay.
- 1.18 **“Obligations”** means any and all current or future indebtedness, obligations and liabilities direct or contingent, of any kind owed by the Borrower to the Bank, now or hereafter existing, whether for principal, interest, fees, default interest, penalties, costs, expenses, reimbursements or otherwise arising out of negotiable instruments, drafts, loans, guarantees, advances, letters of credit, overdrafts, banker’s acceptances, foreign exchange transaction or other credit facilities extended or to be extended by the Bank;
“Các nghĩa vụ” có nghĩa là bất kỳ hoặc toàn bộ các khoản nợ hiện tại hoặc tương lai, nghĩa vụ và trách nhiệm trực tiếp hoặc tiềm tàng do Bên vay nợ Ngân hàng, đang hoặc sẽ tồn tại sau này, dù đó là nợ gốc, tiền lãi, phí, lãi quá hạn, tiền phạt, chi phí, phí tổn, khoản hoàn trả hoặc nợ khác phát sinh từ các công cụ chuyển nhượng, hối phiếu, khoản nợ, bảo lãnh, các khoản vay, thư tín dụng, khoản thấu chi, chấp thuận của ngân hàng, giao dịch ngoại hối hoặc các khoản tín dụng khác đã hoặc sẽ được Ngân hàng cấp.
- 1.19 **“Obligor”** means the Borrower or a guarantor agreeing to guarantee the obligations of the Borrower under the Facilities or the Facility Documents;
“Bên có Nghĩa vụ” có nghĩa là Bên vay hoặc một bên bảo lãnh đồng ý bảo lãnh các nghĩa vụ của Bên vay theo các Khoản Tín dụng hoặc các Văn kiện Tín dụng.
- 1.20 **“Outstanding Amount”** means at any time the sum of:
“Số Dư nợ” là, tại bất kỳ thời điểm nào, số:
- (a) the principal outstanding;
đư nợ gốc;
 - (b) all amounts for which the Bank is liable under the Bank Guarantee(s) which have been issued and have not expired yet.
toàn bộ số tiền mà Ngân hàng có trách nhiệm theo (các) Bảo lãnh Ngân hàng đã được phát hành nhưng chưa hết hiệu lực.
 - (c) all interest, fee and other amounts payable by the Borrower to the Bank;
toàn bộ tiền lãi, phí và các khoản khác mà Bên vay phải trả cho Ngân hàng;
- 1.21 **“Securities”** means:
“Biện pháp Bảo đảm” có nghĩa là:
- (a) any form of security interest;
bất kỳ biện pháp bảo đảm nào;
 - (b) any other arrangement having a similar commercial effect for the creation of security interest; or
bất kỳ thỏa thuận khác nào có hiệu lực thương mại tương tự việc tạo lập biện pháp bảo đảm; hoặc
 - (c) a guarantee or indemnity, including any personal or corporate guarantee;
văn bản bảo lãnh hoặc thỏa thuận đảm bảo bồi thường thiệt hại; kể cả bất kỳ bảo lãnh cá nhân hay bảo lãnh công ty nào;
- 1.22 **“Security Documents”** means a pledge, mortgage, guarantee or another contract or document entered into with the Bank to guarantee, secure or otherwise assure the performance of the obligations of the Borrower to the Bank under or in connection with any of the Facilities;
“Văn kiện Bảo đảm” có nghĩa là một hợp đồng cầm cố, thế chấp, bảo lãnh hoặc hợp đồng hoặc văn bản khác ký với Ngân hàng để đảm bảo việc thực hiện các nghĩa vụ của Bên vay đối với Ngân hàng theo hoặc liên quan đến bất kỳ Khoản Tín dụng nào;
- 1.23 **“LIBOR”** means the percentage rate per annum at which the Bank determines it is able to borrow funds or take deposits in United States Dollars amounts equal to the requested Advance or the outstanding amount of the Advance in the London

Interbank Market for a period equal to the relevant interest period at or about 11:00 a.m. (London time) on the date which falls at least two (02) Business Days before the date of the proposed Advance.

“LIBOR” có nghĩa là tỷ lệ phần trăm tính theo năm theo đó Ngân hàng quyết định có thể vay hoặc nhận tiền gửi có thời hạn bằng Đô la Mỹ khoản tiền tương đương với Khoản vay được đề nghị hoặc dư nợ của Khoản vay tại Thị trường Liên Ngân hàng Luân Đôn với thời hạn tương đương thời hạn tính lãi tương ứng vào lúc hoặc khoảng 11 giờ sáng (giờ Luân Đôn) của ít nhất hai ngày trước ngày dự định giải ngân.

1.24 **“Trade Finance General Agreement”** means the Trade Finance General Agreement entered into between the Bank and the Borrower, as amended, supplemented, innovated and extended from time to time.

“Thỏa thuận Chung về Tài chính Thương mại” có nghĩa là Thỏa thuận Chung về Tài chính Thương mại được ký kết giữa Ngân hàng và Bên vay, và các sửa đổi, bổ sung, thay thế, gia hạn theo từng thời điểm.

Article 2 Advance
Điều 2 Khoản vay

The Borrower may request an Advance during the Availability Period by giving the Bank a written notice (in a form prescribed by the Bank), not later than 10:00 a.m on the second Business Day prior to the drawdown date specified in such request or such later time as may be acceptable to the Bank or, in any case, in such other manners as may be agreed by the Bank. The Bank shall, at any time, have the right to refuse to make any Advance requested by the Borrower notwithstanding that the aggregate limit specified by the Bank shall not have been exceeded. Each Advance shall be repaid in full by the Borrower on its due dates and the Maturity Date, together with all interest accrued thereon, in the currency in which that Advance is denominated.

Trong suốt Thời hạn Giải ngân, Bên vay có quyền yêu cầu giải ngân một Khoản vay bằng cách gửi một văn bản thông báo cho Ngân hàng (theo mẫu quy định của Ngân hàng), chậm nhất là 10:00 giờ sáng của Ngày Làm việc trước ngày giải ngân ít nhất hai ngày được xác định trong yêu cầu giải ngân đó hoặc một thời điểm muộn hơn được Ngân hàng chấp thuận hoặc, trong bất kỳ trường hợp nào, theo cách thức khác mà Ngân hàng chấp thuận. Ngân hàng, vào bất kỳ thời điểm nào, có quyền từ chối giải ngân bất kỳ Khoản vay nào của Bên vay mặc dù tổng hạn mức do Ngân hàng quy định chưa bị vượt quá. Mỗi Khoản vay sẽ được Bên vay hoàn trả đầy đủ vào các ngày đến hạn và Ngày Đáo hạn, cùng với tất cả tiền lãi phát sinh trên Khoản vay, bằng loại tiền đã được giải ngân.

Article 3 Conditions Precedent
Điều 3 Các điều kiện tiên quyết

The Bank shall not be obliged to make any Advance to the Borrower unless, subject to the terms and conditions of this Agreement, the Bank shall have received all of the following documents and evidence in form and substance satisfactory to the Bank:

Ngân hàng không có nghĩa vụ giải ngân bất kỳ Khoản vay nào cho Bên vay trừ khi, căn cứ vào các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, Ngân hàng đã nhận được tất cả các tài liệu sau theo mẫu và nội dung được Ngân hàng chấp thuận:

- 3.1 One (01) original copy of the General Agreement for Banking Transactions duly signed by the Authorized Signatory(ies) of the Borrower accepting the terms and conditions hereof, affixed by the seal of the Borrower;
Một (01) bản gốc Thỏa thuận Chung về Giao dịch Ngân hàng đã được (các) Người được ủy quyền ký của Bên vay ký hợp lệ chấp thuận các điều khoản và điều kiện trong Thỏa thuận Chung về Giao dịch Ngân hàng này, và có đóng dấu của Bên vay;
- 3.2 One (01) original copy of the Trade Finance General Agreement duly signed by the Authorized Signatory(ies) of the Borrower accepting the terms and conditions hereof, affixed by the seal of the Borrower (in case of opening Letter of Credit);
Một (01) bản gốc Thỏa thuận Chung về Tài chính Thương mại đã được (các) Người được ủy quyền ký của Bên vay ký hợp lệ chấp thuận các điều khoản và điều kiện trong Thỏa thuận Chung về Tài chính Thương mại, và có đóng dấu của Bên vay (trong trường hợp mở thư tín dụng);
- 3.3 Documents required under the Facility Letter;
Văn bản được yêu cầu theo Hợp đồng Tín dụng;
- 3.4 Corporate documents of each Obligor:
Các tài liệu nội bộ của Bên có Nghĩa vụ:
 - (a) one (01) certified copy of the Obligor's charter and all amendments thereto;
một (01) bản sao Điều lệ có xác nhận hợp lệ của Bên có Nghĩa vụ, và tất cả các sửa đổi có liên quan;
 - (b) one (01) certified copy of the Obligor's Investment License/Investment Certificate/Business Registration Certificate and all amendments thereto;
một (01) bản sao Giấy phép Đầu tư/Giấy Chứng nhận Đầu tư/Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh có xác nhận hợp lệ của Bên có Nghĩa vụ, và tất cả các sửa đổi có liên quan;
 - (c) one (01) certified copy of all other authorizations, permits and licenses which are necessary or prudent for the operation of the Obligor's business as required by the Bank;
một (01) bản sao tất cả các văn bản ủy quyền, chấp thuận, giấy phép khác có xác nhận hợp lệ mà cần thiết hoặc nên có cho hoạt động kinh doanh của Bên có Nghĩa vụ do Ngân hàng yêu cầu;
 - (d) one (01) certified copy of a list of members of the Board of Management, general and deputy general director(s) and the legal representative of the Obligor;

một (01) bản sao danh sách thành viên Hội đồng Quản trị, tổng giám đốc, (các) phó tổng giám đốc và người đại diện theo pháp luật của Bên có Nghĩa vụ;

- (e) one (01) copy of a resolution of a competent board of the Obligor authorizing the execution and the performance of the Facility Documents to which it is a party;

một (01) bản sao nghị quyết của cơ quan có thẩm quyền của Bên có Nghĩa vụ chấp thuận việc ký kết và thực hiện các Văn kiện Tín dụng mà Bên có Nghĩa vụ là một bên tham gia;

- (f) one (01) original signature specimen of the Obligor's Authorized Signatory(ies) to sign the Facility Documents to which it is a party and all related notices and documents.

một (01) bản gốc mẫu chữ ký của (các) Người được Ủy quyền Ký của Bên có Nghĩa vụ tham gia ký kết Văn kiện Tín dụng mà Bên có Nghĩa vụ là một bên tham gia, và tất cả các thông báo và văn bản liên quan.

- 3.5 Evidence that all consent, licenses and approvals required for the signing and performance by each Obligor of the Facility Documents to which the Obligor is a party have been obtained in order to ensure that the Facility Documents are legal, valid, binding and enforceable and that the Obligor will be able to comply with its obligations thereunder;

Các chứng cứ chứng minh rằng tất cả chấp thuận, giấy phép, và phê chuẩn cần thiết cho mỗi Bên có Nghĩa vụ ký kết và thực hiện Văn kiện Tín dụng, mà Bên có Nghĩa vụ là một bên tham gia, đã có đủ nhằm đảm bảo rằng Văn kiện Tín dụng là hợp pháp, có hiệu lực, ràng buộc và có thể thực thi, và Bên có Nghĩa vụ sẽ có đủ khả năng thực thi nghĩa vụ của mình theo Văn kiện Tín dụng;

- 3.6 Other instruments, certificates, documents and evidence as the Bank may reasonably request from each Obligor, including a legal opinion on various legal issues in form and substance satisfactory to the Bank.

Các văn bản, giấy chứng nhận hoặc tài liệu, bằng chứng khác mà Bên có Nghĩa vụ cung cấp theo yêu cầu hợp lý của Ngân hàng, bao gồm ý kiến pháp lý về các vấn đề pháp lý, theo hình thức và nội dung được Ngân hàng chấp thuận.

- 3.7 Miscellaneous:

Các vấn đề khác:

- (a) on the proposed drawdown date, no Default has occurred and is continuing or would result from the proposed Advance;

vào ngày dự kiến giải ngân, không có bất kỳ Vi phạm đã xảy ra và đang tiếp diễn hoặc sẽ phát sinh do việc giải ngân Khoản vay dự kiến;

- (b) all representations and warranties mentioned in the Facility Documents are true and correct in all material respects; tất cả các cam đoan và bảo đảm đưa ra trong Văn kiện Tín dụng là đúng và chính xác trên mọi khía cạnh trọng yếu;

- (c) the proposed amount of such Advance does not exceed the amount available for drawing under the Facility Letter. khoản tiền dự kiến giải ngân cho một Khoản vay không được vượt quá hạn mức theo Hợp đồng Tín dụng.

Article 4 Interest

Điều 4 Tiền lãi

- 4.1 Interest shall accrue on a daily basis and shall be calculated on the basis of the actual number of days elapsed and a year of three hundred and sixty five (360) days.

Tiền lãi phát sinh hàng ngày và được tính trên số ngày thực tế trôi qua trên cơ sở một năm là ba trăm sáu mươi lăm (360) ngày.

- 4.2 Interest on any overdue sum will be payable until the date of actual payment (both before and after judgment of the court) by the Borrower, notwithstanding that the relationship between the Borrower and the Bank may have ceased by a demand for repayment of the principal of Facility.

Tiền lãi trên số tiền quá hạn sẽ được Bên vay trả tính đến ngày thực tế chi trả (cả trước và sau khi có phán quyết của tòa án) bất kể mối quan hệ hợp đồng giữa Bên vay và Ngân hàng có thể bị chấm dứt khi Ngân hàng yêu cầu hoàn trả toàn bộ nợ gốc của Khoản Tín dụng.

- 4.3 In case of deferral of interest payment, the Borrower shall be required to pay the deferred interest at the rate of 10%/annum counting on the deferred interest balance in proportion to the deferral period.

Trong trường hợp chậm thanh toán tiền lãi, Bên vay phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất là 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

- 4.4 From the date the Advance is recorded as overdue loan, the Borrower shall pay default interest on overdue principal at the rate which is 150% of (i) the Margin and (ii) the Base Rate as specified by the Bank.

Từ ngày Khoản vay bị chuyển nợ quá hạn, Bên vay phải trả lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn với mức lãi suất là 150% của (i) Mức Lãi suất biên và (ii) Mức Lãi suất Cơ sở do Ngân hàng quy định.

Article 5 Fee

Điều 5 Phí

The Borrower shall pay the Bank the kinds of fee (if any) under the regulations of Hua Nan Commercial Bank, Ltd. – Ho Chi Minh City Branch from time to time and in compliance with related Laws/Legal Regulation Documents.

Bên Vay sẽ thanh toán cho Bên Cho Vay các loại phí (nếu có) theo quy định của Ngân Hàng Hua Nan Commercial Bank, Ltd. – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh tại từng thời điểm và phù hợp với các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan.

Article 6 Payment, Cancellation, Amendment and Prepayment

Điều 6 Thanh toán, Hủy bỏ, Sửa đổi và Trả trước hạn

6.1 Payment / Thanh toán

- (a) Currency of account and repayment: Payment under or in connection with an Advance shall be made in the same currency as the currency of that Advance.

Loại tiền của khoản vay và loại tiền hoàn trả: Việc thanh toán theo hoặc liên quan đến một Khoản vay sẽ được thực hiện bằng loại tiền mà Khoản vay đó đã được giải ngân.

- (b) The Outstanding Amount shall be repaid when due (whether at stated maturity or by acceleration on demand of the Bank). If the due date for any Outstanding Amount is not a Business Day, payment of such Outstanding Amount shall be made on the next Business Day. To the extent permitted by law, all payments made shall first apply to the accrued interest, commission, costs, charges, fees, and expenses, if any, and then to the principal. For the overdue Advance, the payment shall apply to principal first and then the interest.

Số Dư nợ phải được hoàn trả khi đến hạn (cho dù đến đúng hạn hay phải trả trước hạn theo yêu cầu của Ngân hàng). Nếu ngày đến hạn của bất kỳ Số Dư nợ nào không phải là một Ngày Làm việc, thì việc thanh toán Số Dư nợ đó sẽ được thực hiện vào Ngày Làm việc tiếp theo. Trong phạm vi được pháp luật cho phép, tất cả các khoản thanh toán sẽ trước hết dùng để trả lãi, phí môi giới, chi phí, lệ phí, phí và phí tổn phát sinh, nếu có, và sau đó mới đến nợ gốc. Đối với Khoản vay bị quá hạn trả nợ, các khoản thanh toán sẽ thu theo thứ tự nợ gốc trước, và nợ tiền lãi vay sau.

6.2 Cancellation / Hủy bỏ

The Bank may at any time without prior notice, cancel or reduce any Facility made available under this Agreement

Ngân hàng có quyền, tại bất kỳ thời điểm nào, hủy bỏ hoặc cắt giảm bất kỳ Khoản Tín dụng nào được chuẩn bị sẵn theo Hợp đồng này mà không cần thông báo trước.

6.3 Amendment / Sửa đổi

The Bank may at any time by notice to the Borrower, amend or supplement any of the terms of the Facility Letter and any notice of amendment shall take effect from the date on which the Bank and the Borrower agree and sign.

Vào bất kỳ lúc nào, Ngân hàng có quyền, bằng thông báo tới Bên vay, sửa đổi hoặc bổ sung bất kỳ điều khoản nào trong Hợp đồng Tín dụng và bất kỳ bản thông báo sửa đổi nào sẽ có hiệu lực kể từ ngày mà Ngân hàng và Bên vay đồng ý và ký tên.

6.4 Prepayment / Trả trước hạn

Any prepayment, cancellation or other termination of a Facility by the Borrower requires the prior written consent of the Bank.

Việc Bên vay muốn trả trước hạn, hủy bỏ hay chấm dứt một Khoản Tín dụng nào phải có văn bản chấp thuận trước của Ngân hàng.

Article 7 Representation and Warranties

Điều 7 Cam đoan và bảo đảm

The Borrower represents and warrants to and for the benefit of the Bank that:

Bên vay cam đoan và bảo đảm với Ngân hàng và vì lợi ích của Ngân hàng rằng:

- 7.1 The Borrower is a company duly organized and validly existing and in good standing under the laws of Vietnam with the Investment License with power to own its assets, carry on its business and operations as they are now being conducted;

Bên vay là một công ty được thành lập, tồn tại hợp pháp và có vị thế theo pháp luật Việt Nam. Bên vay có Giấy phép Đầu tư và có quyền được sở hữu tài sản của mình và tiến hành kinh doanh như hiện đang thực hiện;

- 7.2 The Borrower has full power, authority and legal right to enter into and engage in the transactions contemplated by the Facility Documents to which it is a party, and has taken or obtained all necessary corporate and other actions and consent to authorize the execution and performance of the Facility Documents to which it is a party;

Bên vay có đầy đủ quyền hạn, thẩm quyền và quyền hợp pháp được tham gia ký kết, thực hiện các giao dịch quy định trong Văn kiện Tín dụng mà Bên vay là một bên tham gia, và đã tiến hành và đã có tất cả các chấp thuận nội bộ cần thiết và các giấy tờ khác để cho phép việc ký kết, thực hiện Văn kiện Tín dụng mà Bên vay là một bên tham gia;

- 7.3 The Facility Documents, when executed and delivered, will constitute legal, valid and binding obligations of the Obligor to which it is a party and enforceable against it in accordance with its terms;

Văn kiện Tín dụng, khi được ký kết và chuyển giao, sẽ tạo thành các nghĩa vụ hợp pháp, có hiệu lực và ràng buộc đối với Bên có Nghĩa vụ khi Bên có Nghĩa vụ là một bên tham gia và Bên có Nghĩa vụ phải thực hiện phù hợp với các điều khoản của Văn kiện Tín dụng;

- 7.4 All authorizations and approvals from any governmental or other authorities which are required or which it would be prudent to obtain, in connection with the execution and performance of the Facility Documents have been obtained and are in full force and effect and there has been no breach under the requirement of those authorizations or approvals;

Tất cả các văn bản cho phép chấp thuận từ bất kỳ cơ quan chính phủ hay các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định cần có hoặc nên có, liên quan đến việc ký kết, thực hiện Văn kiện Tín dụng, đã có và có đầy đủ hiệu lực và không có bất kỳ sự vi phạm các văn bản cho phép hoặc chấp thuận trên;

- 7.5 No litigation, arbitration or administrative proceedings or claim is currently taking place or pending or threatening against

- the Borrower or its assets or revenues or any of its subsidiaries;
Hiện không có bất kỳ vụ kiện tụng, phân xử trọng tài hay thủ tục hành chính hay khiếu kiện nào đang diễn ra hoặc đang tạm hoãn đe dọa tới Bên vay hoặc tài sản hoặc doanh thu hoặc bất kỳ công ty con nào của Bên vay;
- 7.6 The Borrower is not in breach of any law, regulation, judgment, order, authorization, agreement or obligation applicable to it or its assets or revenues;
Bên vay không có bất kỳ sai phạm nào theo bất kỳ luật pháp, quy chế, phán quyết, quyết định, phê duyệt, thỏa thuận hay nghĩa vụ nào quy định đối với Bên vay, các tài sản hoặc doanh thu của Bên vay;
- 7.7 The Borrower's obligations under the Facility Documents to which it is a party are direct, unconditional and at all times rank and will rank at least pari -passu in priority of payment, security and all other aspects with all other unsecured creditors of the Borrower;
Các nghĩa vụ của Bên vay theo Văn kiện Tín dụng mà Bên vay là một bên tham gia, là trực tiếp, vô điều kiện và tại mọi thời điểm được xếp và sẽ được xếp ít nhất ngang bằng về vấn đề thanh toán, bảo đảm và tất cả các phương diện khác so với tất cả các chủ nợ không có bảo đảm khác của Bên vay;
- 7.8 The supplied original financial statements of the Borrower were prepared in accordance with the generally accounting principles accepted and applied, and give a true and fair view of its financial condition at the date as of which they were prepared and the results of its operations during the financial year then ended;
Các bản gốc báo cáo tài chính của Bên vay đã được chuẩn bị theo các nguyên tắc kế toán được chấp nhận và áp dụng chung và thể hiện trung thực và chính xác tình hình tài chính và kết quả hoạt động của Bên vay trong suốt năm tài chính đó tại thời điểm lập các báo cáo tài chính này;
- 7.9 The total invested capital of the Borrower, including the Facilities and its legal capital complies with the terms of the Investment License and the laws of Vietnam;
Tổng vốn đầu tư của Bên vay, kể cả các Khoản Tín dụng và vốn pháp định của Bên vay vẫn đúng với các điều khoản trong Giấy phép Đầu tư và theo đúng quy định của luật pháp Việt Nam;
- 7.10 The performance of the Borrower's obligations under this Agreement does not and will not:
Việc thực hiện các nghĩa vụ của Bên vay theo Hợp đồng này không và sẽ không:
- (a) conflict with any agreement, mortgage, bond or other instrument or treaty to which it is a party and which is binding upon it or any of its assets; and
mâu thuẫn với bất kỳ thỏa thuận, thế chấp, bảo lãnh hay bất kỳ văn bản hay thỏa thuận nào khác mà Bên vay là một bên tham gia và có ràng buộc Bên vay hoặc bất kỳ tài sản nào của Bên vay;
 - (b) conflict with its constitutive documents or any applicable rule and regulation;
mâu thuẫn với các tài liệu về thành lập công ty hoặc bất kỳ quy định, quy chế nào;
- 7.11 There has been no material adverse change in the finance, operations, performance, properties or prospects of the Borrower since the date of this Agreement.
Không có bất kỳ thay đổi bất lợi đáng kể nào về tài chính, hoạt động, tình hình kinh doanh, tài sản hay triển vọng của Bên vay từ ngày ký kết Hợp đồng này.

Article 8 Undertakings
Điều 8 Cam kết

- 8.1 The Borrower undertakes and agrees with the Bank that, so long as any sum remains to be lent or remains payable under the Facility Letter:
Chừng nào vẫn chưa giải ngân hết theo hạn mức hoặc vẫn còn bất kỳ khoản tiền vay nào chưa được thanh toán theo Hợp đồng Tín dụng, Bên vay cam kết và đồng ý với Ngân hàng rằng:
- (a) the Borrower shall ensure that its payment obligations under this Agreement rank and will at all times rank at least pari passu in all respects with all its other unsecured indebtedness except for such indebtedness as would, by virtue only of the law in force in Vietnam from time to time, be preferred;
Bên vay đảm bảo rằng các nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng này đang và sẽ được xếp ít nhất là ngang hàng về mọi mặt với tất cả các khoản nợ không được bảo đảm khác ngoại trừ những khoản nợ mà sẽ được ưu tiên hơn theo quy định của pháp luật Việt Nam tùy từng thời điểm;
 - (b) It will carry on and conduct its affairs and business in a proper and efficient manner and will keep or cause to be kept all its properties and assets in a good state of repair and condition in accordance with good commercial practice;
Bên vay sẽ thực hiện và tiến hành các hoạt động và công việc kinh doanh của mình một cách hợp lý và hiệu quả và sẽ giữ gìn và bảo quản tất cả các tài sản, của cải của Bên vay trong tình trạng tốt theo đúng thông lệ thương mại;
 - (c) It shall duly pay and discharge all rents, rates, taxes, assessments and governmental charges from time to time levied upon it or against its properties, business and operations prior to the date on which penalties become attached thereto, unless and to the extent only that the same shall be contested in good faith and by appropriate proceedings;
Bên vay phải thanh toán đầy đủ tiền thuê đất, thuế địa phương, thuế, phí thẩm định và các lệ phí phúc của chính quyền mà Bên vay theo từng thời điểm phải trả đối với các tài sản, hoạt động kinh doanh trước thời điểm bị phạt trừ khi và chỉ trong phạm vi việc đó được tuyên đúng và được phân xử theo đúng trình tự hợp lý;

- (d) It shall obtain all necessary licenses and comply with all laws, regulations, rules and orders relating to the carrying on of its business;
Bên vay phải có được các giấy phép cần thiết khác và phải tuân thủ tất cả pháp luật, quy định, quy chế và các chỉ thị liên quan đến việc thực hiện hoạt động kinh doanh của mình;
- (e) It shall promptly give written notice to the Bank of any Default and any litigation, arbitration or administrative proceedings relating to the Borrower;
Bên vay phải ngay lập tức gửi văn bản thông báo tới Ngân hàng về bất kỳ Vi phạm nào cũng như bất kỳ thủ tục tố tụng tòa án, trọng tài hoặc hành chính liên quan đến Bên vay;
- (f) It will supply to the Bank no later than one (1) month the quarterly financial statements from the end of each quarter, and no later than six (6) months after the fiscal year the audited accounts of the Borrower for a prior fiscal year. The Borrower will from time to time provide the Bank with such other financial information in relation to the Borrower as the Bank may reasonably request. The Borrower undertakes that all the information of financial statements of the Borrower is true and correct.
Chậm nhất một tháng sau khi kết thúc mỗi quý, Bên vay sẽ giao cho Ngân hàng các báo cáo tài chính theo quý và chậm nhất sáu (6) tháng sau khi kết thúc mỗi năm tài chính, Bên vay sẽ giao cho Ngân hàng các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Bên vay cho năm tài chính trước đó. Tùy từng thời điểm, Bên vay sẽ giao cho Ngân hàng các thông tin tài chính này liên quan đến Bên vay khi Ngân hàng yêu cầu một cách hợp lý. Bên vay cam kết rằng tất cả các thông tin trong các báo cáo tài chính của Bên vay là đúng và chính xác.
- (g) It will from time to time on request by the Bank at its own expense do or procure the doing of all such acts and will execute or procure the execution of all such documents as the Bank may consider necessary or desirable for giving full effect to this Agreement, any Facility Documents and any Security Documents or securing to the Bank the full benefits of all rights, powers and remedies conferred upon the Bank under this Agreement, any Facility Documents and any Security Documents.
Tùy từng thời điểm, Bên vay sẽ, theo yêu cầu của Ngân hàng và bằng chi phí của Bên vay, làm hoặc cho làm tất cả các việc này và sẽ ký hoặc yêu cầu ký tất cả các tài liệu mà Ngân hàng có thể xét thấy cần thiết hoặc mong muốn để Hợp đồng này, bất kỳ Văn kiện Tín dụng và bất kỳ Văn kiện Bảo đảm nào có đầy đủ hiệu lực hoặc để đảm bảo cho Ngân hàng được hưởng đủ các lợi ích thuộc tất cả các quyền, quyền hạn và biện pháp khắc phục được trao cho Ngân hàng theo Hợp đồng này cũng như các Văn kiện Tín dụng và Văn kiện Bảo đảm.
- (h) It will maintain insurance, in which the Bank will be noted as loss payee, on and in relation to the secured assets with reputable insurance companies acceptable to the Bank against all risks; and advise of any alteration to any of the insurance policies or any default in the payment of any premium to the Bank, and have to renew any of the insurance at least fourteen (14) days before it expires;
Bên vay sẽ mua bảo hiểm cho tất cả các loại rủi ro đối với và liên quan đến các tài sản bảo đảm từ các công ty bảo hiểm có danh tiếng được Ngân hàng chấp nhận trong đó Ngân hàng sẽ là bên thụ hưởng; và phải thông báo cho Ngân hàng bất kỳ thay đổi nào của bất kỳ hợp đồng bảo hiểm nào hay bất kỳ sai phạm nào về việc đóng phí bảo hiểm, và phải gia hạn bất kỳ hợp đồng bảo hiểm nào chậm nhất mười bốn (14) ngày trước khi hợp đồng bảo hiểm hết hiệu lực;

8.2 Negative pledge: Except with the prior consent of the Bank, the Borrower shall not:

Cam kết không thực hiện: trừ khi có sự chấp thuận trước của Ngân hàng, Bên vay sẽ không:

- (a) make advances or loans to any persons including but not limited to shareholders which will materially affect the financial condition of the Borrower; or
thực hiện giải ngân hoặc cho vay đối với bất kỳ cá nhân nào bao gồm nhưng không chỉ giới hạn ở những cổ đông mà việc giải ngân đó sẽ ảnh hưởng đáng kể tới tình hình tài chính của Bên vay; hoặc
- (b) undertake, permit or affect any form of reorganization, reconstruction, amalgamation or any other similar arrangement that may affect the normal operation of the Borrower;
cam kết, cho phép hoặc tác động đến bất kỳ hình thức tổ chức lại, cơ cấu lại, hợp nhất cổ phần hóa hoặc bất kỳ sự thu xếp tương tự nào khác có thể ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của Bên vay;
- (c) terminate any of its businesses as now conducted which will substantially and adversely affect the financial condition of the Borrower;
chấm dứt hoạt động kinh doanh hiện đang thực hiện mà việc chấm dứt đó sẽ ảnh hưởng bất lợi nghiêm trọng đến tình hình tài chính của Bên vay;
- (d) amend, permit or agree to any amendment of its constitutive documents which may affect the execution and implementation of this Agreement.
điều chỉnh, cho phép hoặc đồng ý với bất kỳ sửa đổi nào trong các tài liệu thành lập công ty mà có thể có ảnh hưởng đến việc ký kết và thực hiện Hợp đồng này.
- (e) merge or consolidate with any other entities or take any step with a view to dissolution, liquidation or wind-up.
sáp nhập hoặc hợp nhất với bất kỳ các tổ chức nào khác hoặc thực hiện giải thể, thanh lý.

Article 9
Điều 9

Event of Default
Sự kiện Vi phạm

- 9.1 Event of Default: If at any time any of the following events occurs then the Bank may by notice to the Borrower declare that a Default has occurred:
- Sự kiện Vi phạm: Vào bất kỳ thời điểm nào, nếu một trong những sự kiện sau đây xảy ra thì Ngân hàng có quyền, bằng thông báo tới Bên vay, tuyên bố rằng Sự kiện Vi phạm đã xảy ra:*
- (a) the Borrower fails to pay any sum when due and payable under the Facility Documents to which it is a party, in the currency and in the manner specified herein or therein; or
Bên vay không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào đến hạn và phải trả theo Văn kiện Tín dụng mà Bên vay là một bên tham gia, bằng loại tiền và cách thức quy định trong Văn kiện Tín dụng đó; hoặc
 - (b) any Obligor fails duly and punctually to perform or comply with any of its respective obligations or undertakings under the Facility Documents to which it is a party; or
bất kỳ Bên có Nghĩa vụ nào không thực hiện đầy đủ và đúng hạn hoặc tuân thủ các nghĩa vụ hay cam kết tương ứng của Bên có Nghĩa vụ đó trong một Văn kiện Tín dụng mà Bên có Nghĩa vụ đó là một bên tham gia; hoặc
 - (c) any representation or warranties made or deemed to be made by any Obligor in or in connection with the Facility Documents to which it is a party, in any notice, certificate, instrument or written statement is or proves to have been incorrect or misleading; or
bất kỳ cam đoan hay đảm bảo nào mà Bên có Nghĩa vụ đưa ra trong hoặc liên quan đến Văn kiện Tín dụng mà Bên có Nghĩa vụ là một bên tham gia, bất kỳ thông báo, giấy chứng nhận, văn bản hoặc tài liệu được chứng minh là không chính xác hoặc nhầm lẫn; hoặc
 - (d) any Obligor defaults or receives notice of default under any agreement or transaction relating to borrowing or any indebtedness of the Obligor which is declared to be or otherwise becomes due and payable prior to its specified maturity date (other than by reason of an illegality in relation to such indebtedness) or any Facility Documents entered into by any Obligor becomes invalid or unenforceable; or
Bên có Nghĩa vụ vi phạm hoặc nhận được thông báo vi phạm theo bất kỳ thỏa thuận nào hoặc giao dịch liên quan đến việc cho vay hoặc bất kỳ khoản nợ nào của Bên có Nghĩa vụ bị tuyên bố là đến hạn và phải trả trước ngày đến hạn (trừ lý do bất hợp pháp liên quan đến khoản nợ đó) hoặc Văn kiện Tín dụng mà một Bên có Nghĩa vụ ký kết trở nên vô hiệu và không thể thi hành; hoặc
 - (e) the Borrower stops or suspends payments to its creditors generally or is unable or admits its inability to pay its debts as they fall due or seeks to enter into any composition or other arrangement with its creditors or is on the brink of the bankruptcy or is declared or becomes bankrupt or insolvent; or
Bên vay ngừng hoặc hoãn việc thanh toán cho các chủ nợ nói chung hoặc Bên vay không thể hoặc thừa nhận không thể thanh toán các khoản nợ khi đến hạn hoặc tham gia vào bất kỳ thỏa thuận giãn xếp hoặc thỏa thuận khác với các chủ nợ hoặc Bên vay đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc bị tuyên bố là đã phá sản hoặc có khả năng phá sản hoặc mất khả năng thanh toán; hoặc
 - (f) at any time and for any reason it is or becomes unlawful for any Obligor to exercise or perform or comply with any or all of its obligations under the Facility Documents to which it is a party or any of the obligations of any Obligor under the Facility Documents to which it is a party is not or ceases to be legal, valid and binding; or
vào bất kỳ thời điểm nào và bởi bất kỳ lý do gì, việc một Bên có Nghĩa vụ thực hiện hoặc tuân thủ bất kỳ hoặc tất cả các nghĩa vụ của mình theo Văn kiện Tín dụng mà Bên có Nghĩa vụ đó là một bên tham gia trở nên bất hợp pháp, hoặc bất kỳ nghĩa vụ nào của bất kỳ Bên có Nghĩa vụ nào theo Văn kiện Tín dụng mà Bên có Nghĩa vụ là một bên tham gia trở nên bất hợp pháp, không có giá trị và không còn tính ràng buộc; hoặc
 - (g) any party initiates a legal proceeding against any Obligor that may have a negative impact on that Obligor; or
có bất kỳ thủ tục tố tụng tòa án nào chống lại một Bên có Nghĩa vụ mà có ảnh hưởng bất lợi đối với Bên có Nghĩa vụ đó; hoặc
 - (h) the Borrower ceases or threatens to cease to carry on its business or any substantial part thereof or changes or threatens to change the nature or scope of its business or the Borrower disposes of or threatens to dispose of or any governmental or other authority expropriates or threatens to expropriate all or any substantial part of its business or assets; or
Bên vay ngừng hoặc có khả năng ngừng tiến hành toàn bộ hoặc phần lớn hoạt động kinh doanh của mình, thay đổi hoặc có khả năng thay đổi tính chất hoặc phạm vi hoạt động kinh doanh hoặc Bên vay hoặc bất kỳ cơ quan chính phủ hay cơ quan có thẩm quyền nào khác xử lý, sung công hoặc có khả năng xử lý, sung công toàn bộ hoặc một phần lớn hoạt động kinh doanh hoặc tài sản của Bên vay; hoặc
 - (i) the Borrower ceases to have the right to use the land on which its business operations are presently conducted; or
Bên vay không còn quyền sử dụng đối với thửa đất mà trên đó Bên vay hiện đang tiến hành các hoạt động kinh doanh của mình; hoặc
 - (j) the government or any governmental agency of Vietnam freezes, exempts or suspends the payment obligation under the Facility Documents or freezes assets or condemns, nationalizes, seizes, takes custody or control over or otherwise expropriates all or a substantial part of the property, assets or stock of the Borrower or any other action that would prevent the Borrower from carrying on operations substantially in the manner as the Borrower would have otherwise directed; or
Chính phủ hoặc bất kỳ cơ quan nhà nước nào của Việt Nam khoanh nợ hoặc miễn hoặc hoãn trả nợ theo các Văn

kiện Tín dụng hoặc phong tỏa các tài sản hoặc trưng thu, quốc hữu hóa, tịch thu, tạm giữ hoặc kiểm soát hoặc sung công toàn bộ hoặc một phần lớn tài sản hoặc tiền vốn của Bên vay hay bất kỳ hành động nào khác mà sẽ cản trở đáng kể đến việc Bên vay tiếp tục các hoạt động như Bên vay đã định hướng; hoặc

- (k) any of the Security or the Security Documents, at any time and for any reason, is not legal and valid or ceases to be in full force and effect, be declared to be null and void or unenforceable or is not recognized by any Obligor; or *bất kỳ Biện pháp Bảo đảm hoặc Hợp đồng Bảo đảm nào tại bất kỳ thời điểm nào và vì bất kỳ lý do gì không còn hợp pháp, không có giá trị pháp lý hoặc bị tuyên là vô hiệu hoặc không có khả năng thi hành đầy đủ hoặc bị một Bên có Nghĩa vụ không thừa nhận; hoặc*
- (l) a petition is presented or a proceeding is commenced or an order is made or an effective resolution is passed or any other steps are taken by any person for the winding-up, insolvency, administration, reorganization, reconstruction, dissolution or bankruptcy of the Borrower or for the appointment of a liquidator, receiver, administrator, trustee or similar officer of the Borrower or of all or any part of its business or assets; or *có đơn yêu cầu hoặc bắt đầu có thủ tục tố tụng hoặc có lệnh đưa ra hoặc một nghị quyết có hiệu lực được thông qua hoặc có bất kỳ biện pháp nào do bên thứ ba thực hiện để yêu cầu Bên vay giải thể, mất khả năng thanh toán, bị quản lý, cơ cấu lại, sắp xếp lại hoặc phá sản hoặc để chỉ định người thanh lý, quản lý tài sản hoặc một cán bộ có chức năng tương tự cho Bên vay hoặc đối với toàn bộ hoặc một phần hoạt động kinh doanh hoặc tài sản của Bên vay; hoặc*
- (m) any circumstances arise which give grounds in the opinion of the Bank for belief that (i) a material adverse change in the assets, business or financial condition or prospects of the Borrower has occurred; or (ii) sale, transfer or exchange, either directly or indirectly, of a controlling stock or equity ownership interest of Borrower or parent company of Borrower; or (iii) there is a material impairment of the rights and remedies of the Bank under any Credit Documents; or (iv) that the ability of any Obligor to perform its respective obligations hereunder or under any Facility Documents to which it is a party has been or will be materially and adversely affected. *bất kỳ hoàn cảnh nào phát sinh, mà theo ý kiến của Ngân hàng, có cơ sở để tin rằng (i) đã xảy ra một thay đổi bất lợi đáng kể đến tài sản, hoạt động kinh doanh, hoặc tình hình tài chính hoặc triển vọng của Bên vay; hoặc (ii) có việc bán, chuyển nhượng, hoặc trao đổi, trực tiếp hoặc gián tiếp, cổ phần kiểm soát hoặc quyền sở hữu vốn góp của Bên vay hoặc công ty mẹ của Bên vay; hoặc (iii) có sự suy giảm đáng kể của các quyền và biện pháp chế tài mà Ngân hàng có theo các Văn kiện Tín dụng; hoặc (iv) khả năng thực hiện các nghĩa vụ tương ứng của bất kỳ Bên có Nghĩa vụ nào trong Văn kiện Tín dụng mà Bên có Nghĩa vụ đó là một bên tham gia đã hoặc sẽ bị ảnh hưởng nghiêm trọng và bất lợi.*

9.2 Consequence of Default / Hậu quả Vi phạm:

If an Event of Default has occurred, the Bank shall:

Nếu xảy ra một Sự kiện Vi phạm, Ngân hàng sẽ:

- (a) issue an notice on termination and acceleration thereof, which shall include, among others, point of time of termination and acceleration, the outstanding principal accelerated, time to repay the outstanding principal accelerated, time the Advance is realized as overdue debt, and interest applicable to the accelerated principal. Accordingly, the Borrower shall follow the repayment in accordance such notice without further demand, notice or other legal formality of any kind; and/ or *thông báo chấm dứt cho vay và thu hồi nợ trước hạn, theo đó thông báo, ngoài các nội dung khác, sẽ bao gồm thời điểm chấm dứt cho vay và thu hồi nợ trước hạn, số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn, thời hạn hoàn trả số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn, thời điểm chuyển nợ quá hạn và lãi suất áp dụng đối với số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn. Theo đó, Bên vay phải tiến hành thanh toán cho Ngân hàng theo thông báo này mà không cần có thêm bất kỳ yêu cầu, thông báo hay thủ tục pháp lý nào khác; và/ hoặc*
- (b) cancel any commitment under the Facility Documents whereupon the obligation of the Bank to make further Advances hereunder shall immediately cease; and/or *chấm dứt bất kỳ cam kết nào theo các Văn kiện Tín dụng và sau đó nghĩa vụ tiếp tục giải ngân các Khoản vay khác của Ngân hàng theo Hợp đồng này ngay lập tức chấm dứt; và/ hoặc*
- (c) require the Borrower to provide the Bank with enough cash to cover the Bank for any contingent liabilities the Bank may have under the Facility (for example, a contingent liability under a letter of credit); and/or *yêu cầu Bên vay cung cấp cho Ngân hàng đủ lượng tiền mặt để bù đắp các nghĩa vụ dự phòng của Ngân hàng có thể phát sinh đối với một Khoản Tín dụng (ví dụ, nghĩa vụ thanh toán phát sinh theo thư tín dụng).*
- (d) Utilize various legal means to recover all the Outstanding Amount and any fee incurred in disposing of the secured assets as stipulated/will be stipulated in the Security Documents signed between the Borrower and the Bank. *Áp dụng các biện pháp xử lý theo pháp luật để thu hồi toàn bộ Số Dư nợ và bất kỳ khoản phí nào phát sinh trong quá trình xử lý tài sản bảo đảm theo quy định/sẽ quy định trong Văn kiện Bảo đảm ký giữa Bên vay và Ngân hàng.*

9.3 Debt Restructuring/Cơ cấu nợ

In case the Borrower fails to repay any principal or interest and upon a written request to the Bank, the Bank may consider debt re-structuring in accordance with the laws and policy of the Bank, in particular:

Trong trường hợp Bên vay không trả đúng hạn nợ gốc và lãi và có đề nghị với Ngân hàng thì Ngân hàng có thể xem xét cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo quy định của pháp luật và chính sách của Ngân hàng, cụ thể:

- (a) If at sole discretion of the Bank, the Borrower is capable for full repayment of principal and/or interest with a rescheduled repayment, the Bank may consider accepting such rescheduled repayment, provided that the term of Advance shall remain unchanged.

Nếu theo đánh giá của riêng Ngân hàng, Bên vay có khả năng trả đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay nhưng phải theo một kỳ hạn trả nợ được điều chỉnh, thì Ngân hàng xem xét chấp nhận điều chỉnh theo kỳ hạn trả nợ đó, với điều kiện là thời hạn của Khoản vay không thay đổi.

- (b) If at sole discretion of the Bank, the Borrower is incapable for full repayment of principal and/or interest within the term of Advance, but within a specific extension thereof, then the Bank may consider accepting such extended term.

Nếu theo đánh giá của riêng Ngân hàng, Bên vay không có khả năng trả hết nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay đúng thời hạn của Khoản vay, nhưng có khả năng trả đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay trong một khoảng thời gian gia hạn nhất định, thì Ngân hàng xem xét cho gia hạn thời hạn của Khoản vay.

Article 10 Notarization and registration

Điều 10 Công chứng và đăng ký

- 10.1 Where required by law or at the request of the Bank, the Borrower must have the Facility Documents notarized and registered (unless otherwise accepted by the Bank) with all necessary government agencies to ensure validity, enforceability and intended priority of the Bank.

Khi pháp luật có quy định hoặc theo yêu cầu của Ngân hàng, Bên vay phải đi công chứng và đăng ký Văn kiện Tín dụng (trừ khi Ngân hàng chấp thuận khác) tại tất cả các cơ quan nhà nước có liên quan để đảm bảo hiệu lực, khả năng thực hiện, hoặc thứ tự ưu tiên đối với Ngân hàng.

- 10.2 The Borrower must pay all costs associated with the actions required to be taken under this clause and, if the Borrower fails to pay them, the Bank may do so (without any obligation) and any amount paid by the Bank will be added to, and form part of, the Outstanding Amount or, at the Bank's selection, may be debited to any of the Borrower's accounts with the Bank.

Bên vay phải thanh toán tất cả các chi phí liên quan đến các hành động được yêu cầu thực hiện theo quy định tại điều này và, nếu Bên vay không thanh toán, Ngân hàng có quyền (nhưng không có nghĩa vụ) thực hiện việc thanh toán và số tiền mà Ngân hàng thanh toán sẽ được cộng thêm vào Số Dư nợ hoặc, theo sự lựa chọn của Ngân hàng, có thể được ghi nợ trên bất kỳ tài khoản nào của Bên vay mở tại Ngân hàng.

Article 11 Assignment

Điều 11 Chuyển nhượng

- 11.1 This Agreement shall be binding upon the Borrower and its successors and assigns and shall insure to the benefit of the Bank and its successors and/or assigns. Moreover, obligations under this Agreement shall be continuing obligations of the Borrower and shall survive any changes in management, ownership or any other material alterations affecting directly or indirectly the Borrower.

Hợp đồng này sẽ ràng buộc Bên vay cùng các bên kế nhiệm và các bên nhận chuyển nhượng của Bên vay và vì lợi ích của Ngân hàng và các bên kế nhiệm hoặc các bên nhận chuyển nhượng của Ngân hàng. Hơn thế nữa, các nghĩa vụ theo Hợp đồng này sẽ tiếp tục có hiệu lực đối với Bên vay và vẫn có hiệu lực kể cả khi có thay đổi về ban lãnh đạo, quyền sở hữu và bất kỳ thay đổi quan trọng nào khác có ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến Bên vay.

- 11.2 The Borrower shall not be entitled to assign or transfer any of its rights or obligations under the Facility Documents unless the Bank consents in writing.

Bên vay không có quyền chuyển nhượng hoặc chuyển giao bất kỳ một quyền hay nghĩa vụ nào của Bên vay theo các Văn kiện Tín dụng trừ khi có văn bản chấp thuận của Ngân hàng.

- 11.3 The Bank may at any time assign or transfer all or part of its rights under the Facility Documents without the Borrower's consent and subject to all authorizations necessary from relevant government agencies. Any Security granted to the Bank by the Borrower will continue to be of full force and effect if the Bank assigns its rights under this Agreement.

Ngân hàng có quyền chuyển nhượng hoặc chuyển giao toàn bộ hoặc một phần quyền của mình theo các Văn kiện Tín dụng mà không cần có sự chấp thuận của Bên vay và căn cứ vào tất cả các văn bản phê duyệt cần thiết từ các cơ quan chính phủ có liên quan. Bất kỳ Biện pháp Bảo đảm nào được Bên vay trao cho Ngân hàng sẽ tiếp tục có đầy đủ hiệu lực nếu Ngân hàng chuyển nhượng các quyền của Ngân hàng theo Hợp đồng này.

Article 12 Disclosure of Information

Điều 12 Tiết lộ Thông tin

The Bank may disclose information relating to the Facility Documents, the Borrower's account and the Facilities or related matters thereto to the head office or other branches of Hua Nan Commercial Bank Ltd, the Bank's auditors and advisors and regulatory authorities and any other individuals or entities as permitted by the laws of Vietnam.

Ngân hàng được phép tiết lộ các thông tin liên quan đến Văn kiện Tín dụng, tài khoản của Bên vay và Khoản Tín dụng hoặc các vấn đề liên quan cho hội sở chính hoặc các chi nhánh khác của Ngân hàng Hua Nan Commercial Bank Ltd, kiểm toán, cố vấn của Ngân hàng, các cơ quan nhà nước và các tổ chức cá nhân khác mà pháp luật Việt Nam cho phép tiết lộ.

Article 13 Waivers

Điều 13 Từ bỏ

No delay or omission by the Bank to exercise any right, power or remedy under this Agreement or any of the Facility Documents shall impair any such right, power or remedy nor be construed as a waiver thereof. No waiver of any single breach or Event of Default under this Agreement or any of the Facility Documents shall be deemed a waiver of any other breaches or Events of Default. All remedies afforded to the Bank shall be cumulative and not exclusive. Any waiver, consent, approval under, or amendment to, this Agreement or any of the Facility Documents must be in writing to be effective.

Việc Ngân hàng chậm trễ hoặc không thực hiện bất kỳ quyền, quyền hạn hay biện pháp khắc phục nào theo Hợp đồng này hoặc Văn kiện Tín dụng sẽ không làm ảnh hưởng tới quyền, quyền hạn hoặc biện pháp khắc phục đó và cũng không được xem là sự từ bỏ quyền, quyền hạn hay biện pháp khắc phục đó. Việc từ bỏ bất kỳ sự vi phạm nào đối với một Sự kiện Vi phạm nào theo Hợp đồng này hoặc Văn kiện Tín dụng không được xem là từ bỏ các vi phạm đối với Sự kiện Vi phạm khác. Tất cả các biện pháp khắc phục mà Ngân hàng được phép là cộng dồn và không loại trừ. Bất kỳ một sự từ bỏ, chấp thuận, phê duyệt hoặc sửa đổi Văn kiện Tín dụng phải được lập bằng văn bản mới có hiệu lực.

Article 14 Communications and Instruction

Điều 14 Liên lạc và Chỉ thị

14.1 All notices and each communication between the Borrower and the Bank shall be made by fax or otherwise in writing. Each communication or document to be delivered to either Party under this Agreement or any Facility Documents shall be sent to it at address and fax number, and marked for the attention of the person (if any), set out in the introduction to this Agreement. If there are any changes to contact details of a Party, it must immediately notify the other Party in writing. In case of a facsimile communication, the Borrower shall send the original document to the Bank by registered mail or deliver the original to the Bank on the following Business Day.

Mọi thông báo và liên lạc giữa Bên vay và Ngân hàng sẽ thực hiện qua fax hoặc được lập bằng văn bản. Mọi liên lạc hoặc tài liệu được giao cho một trong các Bên theo Hợp đồng này hoặc bất kỳ Văn kiện Tín dụng nào sẽ được gửi đến địa chỉ và số fax và tên người nhận (nếu có) như ghi trong phần giới thiệu trong Hợp đồng này. Nếu có bất kỳ thay đổi nào về địa chỉ liên hệ cụ thể của một Bên thì Bên đó phải ngay lập tức thông báo cho Bên kia biết bằng văn bản. Trường hợp liên lạc, trao đổi qua fax, Bên vay phải gửi bản gốc tới Ngân hàng bằng thư bảo đảm hoặc giao bản gốc cho Ngân hàng vào Ngày làm việc tiếp theo.

14.2 Any communication from the Borrower shall be irrevocable, and shall not be effective until received by the Bank.

Bất kỳ nội dung liên lạc nào từ Bên vay là không hủy ngang và chỉ có hiệu lực tại thời điểm Ngân hàng nhận được.

14.3 The Borrower hereby authorizes the Bank to rely on and act pursuant to any instruction:

Bên vay bằng Hợp đồng này ủy quyền cho Ngân hàng căn cứ vào và hành động theo bất kỳ chỉ dẫn nào:

(a) whether in writing or given by telex, facsimile or electronic transmission if given or signed by an Authorized Signatory; or

cho dù bằng văn bản hoặc gửi qua telex, fax hoặc chuyển qua hình thức điện tử nếu được gửi hoặc ký bởi Người được Ủy quyền Ký; hoặc

(b) given orally over the telephone if given by or under the instruction of an Authorized Signatory, but so that the Bank is not obliged to act on oral instructions given by telephone and may request information which confirms the identity of the relevant Authorized Signatory, and the Borrower shall compensate or indemnify the Bank in respect of all claims, damages or losses which the Bank may incur or suffer in connection with its acting on any such instruction.

bằng miệng qua điện thoại nếu được đưa ra bởi hoặc theo chỉ dẫn của Người được Ủy quyền Ký, nhưng Ngân hàng không có nghĩa vụ thực hiện theo các chỉ dẫn qua điện thoại và có quyền yêu cầu các thông tin để xác nhận việc nhận dạng Người được Ủy quyền Ký có liên quan nhưng Bên vay phải bồi thường hoặc bồi hoàn Ngân hàng đối với tất cả các khiếu nại, tổn thất hoặc thiệt hại mà Ngân hàng có thể phải chịu liên quan đến việc thực hiện theo bất kỳ chỉ thị nào như vậy.

Article 15 Set-Off

Điều 15 Bù trừ

If the Borrower fails to pay on the due date, the Bank shall have the rights, without notice to the Borrower or any other persons, to set off and apply any credit balance on any account of the Borrower with the Bank, if any, against the liabilities of the Borrower under the Facility Documents. For the purpose of this clause, the Bank is authorized to declare any term deposit of the Borrower to be due upon a notice given by the Bank to the Borrower and to purchase with the monies standing to the credit of any account such other currencies as may be necessary.

Nếu Bên vay không thanh toán vào ngày đến hạn, Ngân hàng có quyền, mà không cần thông báo cho Bên vay hay bất kỳ cá nhân nào khác, khấu trừ và sử dụng số dư có trên bất kỳ tài khoản nào của Bên vay mở tại Ngân hàng để thanh toán cho các nghĩa vụ của Bên vay theo các Văn kiện Tín dụng. Vì mục đích này, Ngân hàng được quyền tuyên bố các khoản tiền gửi có kỳ hạn của Bên

vay là đến hạn bằng cách gửi thông báo cho Bên vay và dùng số tiền đó để mua các loại tiền tệ cần thiết để thực hiện việc khấu trừ đó.

Article 16 Indemnity

Điều 16 Bồi hoàn

The Borrower hereby agrees to indemnify the Bank and holds the Bank harmless from and against all losses, damages, expenses and claims which the Bank may suffer or incur as a consequence of any Default or non-performance of this Agreement by the Borrower and such losses, damages and expenses shall include but not be limited to any such amount as the Bank may certify (such certification to be accompanied by the basis and calculation of such amount and being conclusive and binding on the Borrower in the absence of manifest error) as being necessary to indemnify the Bank.

Bên vay bằng Hợp đồng này đồng ý bồi hoàn cho Ngân hàng và tránh cho Ngân hàng khỏi những tổn thất, thiệt hại, phí tổn và khiếu nại mà Ngân hàng có thể phải chịu do hậu quả của bất kỳ Vi phạm nào của Bên vay hoặc bởi Bên vay không thực hiện Hợp đồng này và những tổn thất, thiệt hại hoặc phí tổn đó bao gồm nhưng không chỉ giới hạn đến bất kỳ số tiền nào mà Ngân hàng có thể xác nhận (nội dung xác nhận đó sẽ bao gồm cơ sở và cách tính toán số tiền đó và có tính chất ràng buộc và chính thức đối với Bên vay trừ trường hợp có sai sót hiển nhiên) là cần thiết phải bồi hoàn Ngân hàng.

Article 17 Severability

Điều 17 Vô hiệu từng phần

The illegality, invalidity or unenforceability of any provision of this Agreement under the law of any jurisdiction shall not affect its legality, validity or enforceability under the law of any other jurisdiction. If any one or more of the provisions contained in this Agreement shall be deemed invalid, unlawful or unenforceable in any respect under any applicable law, the validity, legality and enforceability of the remaining provisions contained herein shall not in any way be affected or impaired. In such case, the Borrower shall execute any supplementary agreement required by the Bank to replace the severed provision so as to give full effect to this Agreement.

Việc bất kỳ điều khoản nào trong Hợp đồng này trở nên bất hợp pháp, vô hiệu hoặc không có khả năng thi hành theo pháp luật của bất kỳ quốc gia nào sẽ không ảnh hưởng đến tính hợp pháp, hiệu lực hoặc khả năng thi hành của điều khoản đó theo luật pháp của bất kỳ quốc gia nào khác. Nếu một hay nhiều điều khoản trong Hợp đồng này bị coi là vô hiệu, bất hợp pháp hoặc không thể thi hành theo bất kỳ quy định nào thì tính hợp pháp, hiệu lực hoặc khả năng thi hành của các điều khoản còn lại trong Hợp đồng này sẽ không bị tổn hại hoặc ảnh hưởng. Trong trường hợp đó, Bên vay sẽ ký kết thỏa thuận bổ sung theo yêu cầu của Ngân hàng để thay thế điều khoản bị ảnh hưởng sao cho Hợp đồng này vẫn có đầy đủ hiệu lực.

Article 18 Governing Law and Jurisdiction

Điều 18 Luật điều chỉnh và Thẩm quyền xét xử

This Agreement shall be governed by and construed in accordance with the laws of Vietnam. Any dispute between the parties arising out of this Agreement shall be resolved through mutual consultation and amicable settlement. In case the dispute can not be resolved amicably, such dispute will be brought to a competent court of Vietnam.

Hợp đồng này được điều chỉnh và giải thích phù hợp với pháp luật Việt Nam. Bất kỳ tranh chấp nào giữa các bên phát sinh từ Hợp đồng này sẽ được giải quyết thông qua đàm phán và thương lượng giữa hai bên. Trong trường hợp có bất kỳ tranh chấp gì không thể giải quyết bằng thương lượng, tranh chấp đó sẽ được đưa ra tòa án có thẩm quyền ở Việt Nam xét xử.

Article 19 Language

Điều 19 Ngôn ngữ

The parties hereby agree that this Facility Letter, together with other documents entered into between the Bank and the Borrower, is made in English and Vietnamese. In case of any inconsistency between the Vietnamese version and English version, the English version shall prevail, unless otherwise required by law.

Các bên bằng văn bản này đồng ý rằng Hợp đồng Tín dụng này, cùng với các tài liệu khác được ký kết giữa Ngân hàng và Bên vay, được lập bằng tiếng Anh và tiếng Việt. Trong trường hợp có bất kỳ sự khác biệt nào giữa bản tiếng Việt và bản tiếng Anh, bản tiếng Anh sẽ được ưu tiên áp dụng, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

IN WITNESS WHEREOF this Agreement is duly executed as of the date and year first above written:

Để làm bằng, Hợp đồng này được ký vào ngày tháng năm như ghi ở phần giới thiệu trên.

For and on behalf of The Lender
Thay mặt và đại diện cho Bên cho vay

Name : Mr. HUANG, JUI-YEN
Title : General Manager/ *Tổng Giám Đốc*

For and on behalf of The Borrower
Thay mặt và đại diện cho Bên vay

Name : Mr.
Title : Assistant Vice President/
Trợ lý Phó Tổng Giám Đốc

Verified by: Date:
